

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh năm: 1984

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện TT, TH.

Nơi cư trú: Thôn DC, xã TC, huyện TT, TH.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H- Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện TT, TH.

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 57; 58; 59; 62; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Cháu Bùi Văn N, sinh ngày: 01/4/2003 đã đủ 18 tuổi trở lên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, giao cháu Bùi Đức H, sinh ngày: 02/02/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn H có những tài sản chung như sau:

+ Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 11 tại thôn L, xã T, huyện TT giá trị 93.087.500 đồng (Chín ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

+ 01 nhà mái bằng diện tích 150 m² xây dựng năm 2017, giá trị 395.858.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng).

+ Cây cối trên đất có giá trị 15.515.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

+ Tài sản khác trên đất gồm: Nhà cấp 4, chuồng trâu, chuồng lợn, sân bê tông, bán bình có giá trị 71.671.000 đồng (Bảy mươi một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn).

Tổng giá trị tài sản là 576.131.500 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm ba mươi một nghìn, năm trăm đồng).

Chị T và anh H thống nhất giao cho anh H sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản của vợ, chồng. Anh H có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về tài sản chung của vợ chồng cho chị T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 06/6/2023. Chị T được nhận số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) do anh H giao vào ngày 06/6/2023.

- Về án phí: Chị Bùi Thị T chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí chia tài sản chung của vợ chồng là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 24.550.000 (Hai mươi tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/0007817 ngày 13/10/2022. Chị T được hoàn trả lại số tiền 16.900.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH. Anh Bùi Văn H phải chịu án phí chia tài sản chung của vợ chồng là 6.903.000 đồng (Sáu triệu chín trăm linh ba nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TC;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn

